

Danh mục sản phẩm và giải pháp



Ảnh minh họa dịch vụ do CoatureVietnam cung cấp.



360° Coating Value

Giải quyết vấn đề về sơn với 7 dịch vụ cốt lõi.

Từ sơn, dung môi đến thiết bị, trực quan hóa quy trình và kết nối doanh nghiệp. Chúng tôi kết hợp sản phẩm và hỗ trợ cần thiết theo điều kiện của Quý khách.

Tìm theo vấn đề. Chia sẻ điều kiện. Kết hợp giải pháp.
Vui lòng cho biết mã tham chiếu để bắt đầu tư vấn cụ thể.

- 01 Paint Voyager
- 02 Paint Optimizer
- 03 Color Balue
- 04 Thinner Streamer

- 05 Coat Systemizer
- 06 Coat Visioner
- 07 Coat Linker

READ FIRST / HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn sử dụng

Cảm ơn Quý khách đã quan tâm đến CoatureVietnam. Tài liệu giúp Quý khách tìm nội dung tư vấn phù hợp về sản phẩm, thiết bị và dịch vụ trong lĩnh vực sơn.

Từ vấn đề đến dịch vụ phù hợp

Từ ăn mòn, ngoại quan, màu sắc, làm khô, khối lượng công việc đến quản lý thiết bị, hãy xem dịch vụ tương ứng. Trang 3 trình bày 7 dịch vụ; mục lục ở trang 4-5.

Trao đổi bằng mã tham chiếu

Mã trong danh mục dùng để liên hệ với CoatureVietnam. Có mục bao gồm nhiều sản phẩm/quy cách, có mục là tư vấn thiết kế hoặc hỗ trợ. Chúng tôi tìm hiểu điều kiện cụ thể để đề xuất ứng viên.

Kết hợp sản phẩm và quy trình

Danh mục gồm sản phẩm, thiết bị, hỗ trợ do chúng tôi lựa chọn và kết hợp để đề xuất. Ngoài sơn, chúng tôi kiểm tra tương thích với dung môi, thiết bị sơn, sấy và đo lường.

Quy cách và điều kiện cung cấp

Tài liệu là hướng dẫn lựa chọn và tư vấn. Khả năng cung cấp, quy cách mới nhất, giá, thời gian giao, bảo hành, phạm vi lắp đặt và bảo dưỡng được xác nhận riêng. Không phải mọi mục đều là sản phẩm tiêu chuẩn hoặc luôn có sẵn trong kho.

Tính năng và sự phù hợp tiêu chuẩn được xác nhận theo quy cách, điều kiện sử dụng. Khi cần, chúng tôi xem xét tài liệu kỹ thuật, mẫu hoặc đánh giá trên chi tiết thực tế để trao đổi điều kiện triển khai.

Danh mục không có nghĩa tất cả sản phẩm đều do CoatureVietnam sản xuất. Vai trò của chúng tôi là lựa chọn, kết hợp, đề xuất và hỗ trợ triển khai phù hợp với điều kiện của Quý khách.

SERVICE MAP / ĐIỂM BẮT ĐẦU

7 dịch vụ cốt lõi

Xem xét vấn đề về sơn từ vật liệu, quy trình, thiết bị, thông tin đến hợp tác doanh nghiệp. Quý khách có thể trao đổi để kết hợp các dịch vụ cần thiết.

	01 Paint Voyager 1-001 - 1-076 Chọn sơn, hóa chất tiền xử lý theo nhu cầu	Chống ăn mòn, chịu nhiệt, tính năng, sơn bột, cách điện EV, tiêu chuẩn, tiền xử lý
	02 Paint Optimizer 2-001 - 2-026 Chọn sơn thương hiệu riêng theo ứng dụng	Sơn lỏng, sơn lót, Paint Optimizer Powder
	03 Color Balue 3-001 - 3-009 Điều chỉnh màu, ngoại quan và sầy	C BALUE, đánh giá tấm mẫu/chi tiết, kiểm tra độ tái lập
	04 Thinner Streamer 4-001 - 4-018 Phối hợp dung môi với sơn, làm sạch	Thinner liên quan, pha loãng, điều chỉnh khô, chất làm sạch
	05 Coat Systemizer 5-001 - 5-152 Xây dựng thiết bị và quy trình sơn	Tiền xử lý, sơn, UV, vận chuyển, sấy, khí nén, bảo dưỡng
	06 Coat Visioner 6-001 - 6-011 Trực quan hóa quy trình, thiết bị	Đo, ghi, thông báo, khai thác dữ liệu, hệ thống liên quan
	07 Coat Linker 7-001 - 7-006 Kết nối doanh nghiệp sơn Nhật Bản, Việt Nam	Chia sẻ yêu cầu, kết nối ứng viên, tư vấn thử nghiệm/hợp tác

Ảnh minh họa dịch vụ do CoatureVietnam cung cấp.

Từ mã tham chiếu đến tư vấn cụ thể

Danh mục gồm 298 mục sản phẩm, nhóm sản phẩm và dịch vụ. Mã gồm số dịch vụ và số thứ tự 3 chữ số; ví dụ 2-001 là C TOP của Paint Optimizer. Một mục có thể gồm nhiều quy cách; 298 không phải tổng số mã sản phẩm riêng lẻ.

8 nhóm nhu cầu có mã 1-C01 đến 1-C08; các chủ đề tư vấn theo vấn đề có mã A-001 đến A-009. Trang 18 trình bày sơn thương hiệu riêng Paint Optimizer và Color Balue theo từng dịch vụ.

CONTENTS / THEO DỊCH VỤ

Mục lục 1 / 2

Nhấp vào tên mục để chuyển đến trang tương ứng.

01 Paint Voyager

8 nhóm giải pháp theo nhu cầu	06
Chống ăn mòn và yêu cầu tiêu chuẩn	07
Sơn bột, sơn tính năng cao và công nghiệp	09
Lớp phủ tính năng cho kim loại và nhựa	11
Chịu nhiệt, kiểm soát nhiệt, bôi trơn, phản xạ thấp	13
Lớp phủ cách điện cho linh kiện EV	15
Hóa chất tiền xử lý và chuyển hóa	16
Sửa chữa mạ kẽm và chống gỉ	17

02 Paint Optimizer / 03 Color Balue

Sơn mang thương hiệu riêng	18
----------------------------	----

02 Paint Optimizer

Paint Optimizer Powder Phân loại cơ bản	19
Paint Optimizer Powder Tính năng, hiệu ứng	20

03 Color Balue

Dòng C BALUE và hỗ trợ lựa chọn	21
---------------------------------	----

04 Thinner Streamer

Dung môi cho thương hiệu riêng Tư vấn	22
Dung môi, chất làm sạch theo ứng dụng	23

CONTENTS / THEO DỊCH VỤ

Mục lục 2 / 2

Nhấp vào tên mục để chuyển đến trang tương ứng.

05 Coat Systemizer

Tiền xử lý, sơn, vận chuyển, sấy	25
Sơn nhựa và đóng rắn UV	26
Thiết bị phụ trợ, điều khiển, bảo dưỡng	27
Buồng sơn venturi ướt Loại tiêu chuẩn	28
Buồng sơn ướt Lựa chọn cấu hình	29
Máy nén khí Scroll và piston	30
Máy nén khí Trục vít và xử lý khí	31
Sơn bột tĩnh điện và cấp bột	32
Súng sơn lỏng và thiết bị tĩnh điện	34
Cấp, điều chỉnh và phối trộn sơn	36
Súng phun và lựa chọn sơn tĩnh điện	38
Thiết bị cấp sơn, phụ trợ, phụ tùng	39
Tự động hóa và tiện ích liên quan	40
Bộ lọc khí cấp và khí thải	41
Nước tuần hoàn và quản lý quy trình	42
Buồng sơn ô tô và xe cỡ lớn	43

06 Coat Visioner

Trực quan hóa và khai thác dữ liệu	44
------------------------------------	----

07 Coat Linker

Kết nối ngành sơn Nhật Bản, Việt Nam	45
--------------------------------------	----

SUPPORT / TƯ VẤN

Kết hợp giải pháp theo vấn đề	46
Từ tư vấn đến triển khai	48
Thông tin tài liệu và lịch sử cập nhật	49

01 Paint Voyager



Hình minh họa dịch vụ

8 nhóm giải pháp theo nhu cầu

Chọn sơn và hóa chất tiền xử lý theo chức năng, ứng dụng, quy trình. Chúng tôi kết hợp các dịch vụ cốt lõi để đề xuất giải pháp phù hợp với vấn đề cần giải quyết.

Mã	Nhóm nhu cầu	Nội dung có thể tư vấn
1-C01	① Hệ sơn chống ăn mòn hạng nặng	Chống ăn mòn kết cấu thép, thiết bị và sửa chữa lớp mạ. Xem xét hệ sơn theo vật liệu, môi trường sử dụng.
1-C02	② Lớp phủ chịu nhiệt rất cao	Môi trường nhiệt độ cao, kiểm soát nhiệt. Chọn quy cách theo dải nhiệt và điều kiện gia nhiệt.
1-C03	③ Lớp phủ fluoropolymer và tính năng cao	Bền thời tiết, bôi trơn, chống mài mòn và chức năng đặc biệt. Sàng lọc theo vật liệu, chức năng cần có.
1-C04	④ Tối ưu dây chuyền sơn bột	Sơn bột, đổi màu, cấp/thu hồi và đóng rắn. Kết hợp Paint Optimizer Powder và Coat Systemizer.
1-C05	⑤ Cách điện và phủ linh kiện EV	Cách điện thanh dẫn, động cơ. Xem xét theo hình dạng, chiều dày màng, điều kiện nhiệt và gia công.
1-C06	⑥ Sơn dây chuyền theo yêu cầu JIS	Sơn và quy cách thi công theo tiêu chuẩn chỉ định. Xác nhận sản phẩm và phạm vi phù hợp với tiêu chuẩn.
1-C07	⑦ Tiền xử lý và tạo màng chuyển hóa	Bám dính, chống ăn mòn, chuyển sang không dùng phốt pho. Kết hợp hóa chất, thiết bị tiền xử lý, quản lý bể.
1-C08	⑧ Dung môi và chất làm sạch cải tiến quy trình	Pha loãng, điều chỉnh khô, tẩy dầu và làm sạch. Xem các sản phẩm, nội dung tư vấn cụ thể tại Thinner Streamer.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Tên nhóm là điểm bắt đầu tư vấn. Nhiệt độ chịu nhiệt, phù hợp tiêu chuẩn và vật liệu được xác nhận theo từng sản phẩm, quy cách và điều kiện sử dụng.

01 Paint Voyager



Hình minh họa dịch vụ

Chống ăn mòn và yêu cầu tiêu chuẩn

Các ứng viên cho chống ăn mòn kết cấu thép, thiết bị, sửa chữa và sơn có tiêu chuẩn chỉ định. Xác nhận toàn bộ hệ từ chuẩn bị bề mặt đến lớp phủ theo môi trường sử dụng.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-001	Sơn chống gỉ không chứa chì và crom	Ứng viên cho yêu cầu JIS K 5674 loại 1. Xác nhận màu, quy cách, phạm vi phù hợp và bao bì.
1-002	Sơn lót phản ứng (etching primer)	Ứng viên cho yêu cầu JIS K 5633 loại 2. Xác nhận vật liệu nền, sơn phủ và phạm vi phù hợp.
1-003	Sơn lót giàu kẽm và sơn giàu kẽm màng dày	Chọn hệ vô cơ/hữu cơ, loại tiêu chuẩn/màng dày theo ứng dụng; kiểm tra chuẩn bị bề mặt và sơn phủ.
1-004	Sơn chống ăn mòn gốc epoxy biến tính	Kiểm tra mức chống ăn mòn cần có và điều kiện sơn chồng theo ứng dụng kết cấu, sửa chữa.
1-005	Sơn epoxy / sơn epoxy màng dày	Xác nhận hệ sơn theo vai trò lót/phủ, chiều dày màng và môi trường sử dụng.
1-006	Nhóm epoxy cho bồn, chứa bột màu nhôm, màng siêu dày và công trình nước cấp	Chọn riêng cho bồn, chống ăn mòn màng dày, nước cấp. Với nước cấp, kiểm tra tiêu chuẩn và phạm vi phù hợp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Nếu có tiêu chuẩn chỉ định, vui lòng cho biết tiêu chuẩn, quy cách, màu và hồ sơ chứng minh cần có. Sự phù hợp tiêu chuẩn của sơn khác với chứng nhận toàn dây chuyền.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Chống ăn mòn và yêu cầu tiêu chuẩn

Các ứng viên cho chống ăn mòn kết cấu thép, thiết bị, sửa chữa và sơn có tiêu chuẩn chỉ định. Xác nhận toàn bộ hệ từ chuẩn bị bề mặt đến lớp phủ theo môi trường sử dụng.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-007	Sơn phủ polyurethane cho hệ chống ăn mòn hạng nặng	Kiểm tra môi trường ngoài trời, sơn lót và chiều dày màng. Nếu có tiêu chuẩn chỉ định, đối chiếu đúng quy cách.
1-008	Sơn phủ fluoropolymer có độ bền thời tiết cao	Kiểm tra độ bền thời tiết, loại tiêu chuẩn/màng dày, điều kiện thi công tại chỗ và tổ hợp sơn lót.
1-009	Sơn chịu nhiệt chống ăn mòn dưới lớp bảo ôn (CUI)	Kiểm tra nhiệt độ sử dụng liên tục, chu kỳ nhiệt, vật liệu bảo ôn và điều kiện thiết bị.
1-010	Sơn hạn chế nứt do ăn mòn ứng suất của thép không gỉ	Kiểm tra loại thép không gỉ, môi trường ăn mòn, nhiệt độ thiết bị và điều kiện sơn.
1-011	Hệ bảo vệ chống ăn mòn bằng sơn gốc nước	Kiểm tra hệ từ xử lý nền đến lớp phủ và điều kiện thi công phù hợp với sơn gốc nước.
1-012	Sơn vảy thủy tinh cho mặt trong ống thép / hệ chống ăn mòn cho công trình bê tông	Chọn theo thiết bị, hóa chất tiếp xúc, vật liệu nền và điều kiện thi công.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Nếu có tiêu chuẩn chỉ định, vui lòng cho biết tiêu chuẩn, quy cách, màu và hồ sơ chứng minh cần có. Sự phù hợp tiêu chuẩn của sơn khác với chứng nhận toàn dây chuyền.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Sơn bột, sơn tính năng cao và công nghiệp

Xem xét sơn bột, sơn vật liệu kim loại xây dựng và linh kiện công nghiệp theo hệ nhựa, bề mặt hoàn thiện, điều kiện đóng rắn. Sàng lọc ứng viên theo vật liệu và tính năng yêu cầu.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-013	Sơn bột gốc epoxy	Chủ yếu xem xét cho trong nhà và chống ăn mòn. Với loại đóng rắn nhiệt độ thấp, kiểm tra điều kiện sấy của chi tiết thực tế.
1-014	Sơn bột epoxy-polyester	Chủ yếu xem xét cho trong nhà; chọn theo độ bóng, ngoại quan và điều kiện sấy.
1-015	Sơn bột gốc polyester	Kiểm tra từng quy cách về độ bền thời tiết ngoài trời, ứng dụng thép tấm sơn phủ và cơ chế đóng rắn.
1-016	Sơn bột trang trí màng mỏng và hiệu ứng bề mặt	Đánh giá màng mỏng và các dạng vân bằng tấm mẫu, đồng thời kiểm tra điều kiện sử dụng bột thu hồi.
1-017	Sơn bột gốc fluoropolymer	Kiểm tra ngoại quan, độ bền thời tiết và điều kiện sấy, bao gồm loại tách hai lớp và hiệu ứng metallic.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Nhiệt độ sấy khác nhiệt độ chịu nhiệt khi sử dụng. Các quy cách trong cùng nhóm có thể khác nhau; cần kiểm tra tổ hợp sơn, dung môi và công đoạn đóng rắn.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Sơn bột, sơn tính năng cao và công nghiệp

Xem xét sơn bột, sơn vật liệu kim loại xây dựng và linh kiện công nghiệp theo hệ nhựa, bề mặt hoàn thiện, điều kiện đóng rắn. Sàng lọc ứng viên theo vật liệu và tính năng yêu cầu.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-018	Sơn fluoropolymer sấy đóng rắn / sơn PVDF sấy đóng rắn	Do hệ nhựa và điều kiện đóng rắn khác nhau, chọn theo yêu cầu của chi tiết kim loại ngoại thất.
1-019	Sơn sấy cho vật liệu kim loại xây dựng	Xem xét hệ urethane/acrylic theo vật liệu nền, ngoại quan và điều kiện sấy.
1-020	Sơn ceramic lai hữu cơ-vô cơ	Kiểm tra vật liệu nền, độ cứng yêu cầu, độ bền thời tiết và điều kiện đóng rắn.
1-021	Sơn urethane gốc nước / sơn epoxy gốc nước dùng trong công nghiệp	Đánh giá điều kiện khô, tính năng màng và khả năng tương thích với thiết bị khi chuyển sang sơn gốc nước.
1-022	Sơn acrylic sấy / sơn melamine sấy dùng trong công nghiệp	Chọn theo hệ nhựa, nhiệt độ đóng rắn, ngoại quan và chi tiết cần sơn.
1-023	Sơn urethane hai thành phần dùng trong công nghiệp	Kiểm tra tỷ lệ pha, thời gian sử dụng sau pha, yêu cầu sơn lót và điều kiện sơn.
1-024	Sơn lót công nghiệp chống ăn mòn và tăng bám dính	Kiểm tra vật liệu nền, tiền xử lý và độ bám dính với lớp sơn phủ.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Nhiệt độ sấy khác nhiệt độ chịu nhiệt khi sử dụng. Các quy cách trong cùng nhóm có thể khác nhau; cần kiểm tra tổ hợp sơn, dung môi và công đoạn đóng rắn.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Lớp phủ tính năng cho kim loại và nhựa

Các ứng viên theo yêu cầu ngoại quan, chống trầy xước, bôi trơn của linh kiện nhựa, kim loại. Đánh giá theo chi tiết thực tế và điều kiện quy trình.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-025	Sơn hard coat lai hữu cơ-vô cơ	Kiểm tra vật liệu nền, chất đóng rắn và dung môi pha loãng riêng theo yêu cầu chống trầy xước, mài mòn.
1-026	Sơn acrylic cho nhựa	Chọn sau khi xác nhận loại nhựa như PP, ABS và yêu cầu đối với màng sơn.
1-027	Sơn acrylic urethane hai thành phần cho nhựa	Kiểm tra từng quy cách về vật liệu, điều kiện sản xuất và chất đóng rắn, kể cả loại đóng rắn nhiệt độ thấp.
1-028	Sơn acrylic silicone hai thành phần	Đánh giá theo yêu cầu kháng hóa chất và chống mài mòn của linh kiện nhựa, kim loại.
1-029	Sơn melamine, acrylic, polyester và urethane cho kim loại	Phân biệt hệ nhựa, cơ chế đóng rắn và chọn theo điều kiện sử dụng của linh kiện kim loại.
1-030	Sơn lót epoxy / polyester cho kim loại	Kiểm tra tương thích với vật liệu như magiê, nhôm, thép không gỉ và lớp sơn phủ.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Vật liệu phù hợp và chức năng khác nhau theo quy cách dù cùng nhóm. Vui lòng cho biết tính năng, mẫu và quy trình hiện tại.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Lớp phủ tính năng cho kim loại và nhựa

Các ứng viên theo yêu cầu ngoại quan, chống trầy xước, bôi trơn của linh kiện nhựa, kim loại. Đánh giá theo chi tiết thực tế và điều kiện quy trình.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-031	Sơn bôi trơn màng khô / sơn bôi trơn gốc nước	Kiểm tra tính bôi trơn, vật liệu nền và khả năng dùng hệ nước/dung môi. Yêu cầu không dùng thành phần cụ thể được đối chiếu theo từng quy cách.
1-032	Lớp phủ đàn hồi cho cao su và vật liệu mềm	Đánh giá tương thích theo loại cao su, phụ gia và điều kiện biến dạng, giãn dài.
1-033	Sơn dẫn điện / chống tĩnh điện	Kiểm tra điện trở yêu cầu và điều kiện sơn. Ứng dụng này khác với sơn cách điện.
1-034	Sơn tự phục hồi / sơn tính năng đóng rắn UV	Tự phục hồi và đóng rắn UV là hai chức năng khác nhau. Kiểm tra theo công đoạn in, phủ chân không, chiếu UV.
1-035	Sơn hiệu ứng gương, ánh kim và cảm giác mềm	Đánh giá bề mặt gương, ánh kim và cảm giác chạm bằng tấm mẫu để thống nhất ngoại quan yêu cầu.
1-036	Sơn kim loại gốc nước / sơn có nguyên liệu sinh khối / sơn bền thời tiết cao	Phân biệt mục tiêu về hệ nước, nguyên liệu và độ bền thời tiết; xác nhận riêng quy cách và khả năng cung cấp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Vật liệu phù hợp và chức năng khác nhau theo quy cách dù cùng nhóm. Vui lòng cho biết tính năng, mẫu và quy trình hiện tại.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Chịu nhiệt, kiểm soát nhiệt, bôi trơn, phản xạ thấp

Xem xét theo chức năng từ chịu nhiệt cao đến tản nhiệt, bôi trơn, phản xạ thấp. Chịu nhiệt, tản nhiệt, cách nhiệt và bức xạ được lựa chọn theo từng mục đích.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-037	Sơn chịu nhiệt, hard coat chịu nhiệt và sơn cách điện chịu nhiệt	Chọn theo yêu cầu chịu nhiệt, độ cứng, cách điện; đánh giá nhiệt độ và điều kiện của chi tiết thực tế.
1-038	Sơn tản nhiệt	Dải nhiệt tham khảo: không quá 200°C, 400-600°C, 600-1000°C. Kiểm tra giới hạn và điều kiện áp dụng theo từng quy cách.
1-039	Sơn màu bạc chịu nhiệt	Kiểm tra nhiệt độ sử dụng, vật liệu, ngoại quan, sơn lót và điều kiện thi công.
1-040	Sơn lót / sơn phủ cho hệ chịu nhiệt	Nhiệt độ sử dụng tham khảo: 200-500°C. Kiểm tra tổ hợp sơn lót và sơn phủ.
1-041	Sơn chịu nhiệt chống ăn mòn	Kiểm tra nhiệt độ sử dụng, môi trường ăn mòn, chuẩn bị bề mặt và điều kiện sơn phủ.
1-042	Sơn tính năng gốc ceramic	Kiểm tra cấp chịu nhiệt, phương pháp đóng rắn và điều kiện sơn chồng theo từng quy cách.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Nhiệt độ áp dụng thay đổi theo gia nhiệt liên tục/gián đoạn, môi trường, vật liệu nền, chiều dày màng. Chức năng nêu trong tài liệu không tự bảo đảm phù hợp với điều kiện sử dụng.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Chịu nhiệt, kiểm soát nhiệt, bôi trơn, phản xạ thấp

Xem xét theo chức năng từ chịu nhiệt cao đến tản nhiệt, bôi trơn, phản xạ thấp. Chịu nhiệt, tản nhiệt, cách nhiệt và bức xạ được lựa chọn theo từng mục đích.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-043	Sơn fluoropolymer chống dính và bôi trơn	Kiểm tra hệ nước/dung môi, số lớp và chức năng cần có. Với dụng cụ nấu ăn, xác nhận riêng điều kiện áp dụng.
1-044	Sơn bôi trơn chịu nhiệt, chống mài mòn và chống bó kẹt	Chọn quy cách theo nhiệt độ sử dụng, mài mòn, bó kẹt và chi tiết cần xử lý.
1-045	Lớp phủ tính năng giảm ma sát, chống dính	Kiểm tra yêu cầu ma sát thấp, chống dính, chi tiết, thành phần bôi trơn và điều kiện thi công.
1-046	Sơn phản xạ thấp cho cảm biến và camera	Kiểm tra linh kiện camera/cảm biến, điều kiện quang học và yêu cầu đối với màng sơn.
1-047	Sơn cách nhiệt	Kiểm tra chiều dày màng, nhiệt độ bề mặt thiết bị và đánh giá theo mục đích cách nhiệt.
1-048	Sơn phát xạ hồng ngoại xa / bức xạ nhiệt hiệu suất cao	Nhiệt độ chịu nhiệt tham khảo: 600°C. Chọn theo dải bước sóng, đối tượng gia nhiệt và điều kiện thi công.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Nhiệt độ áp dụng thay đổi theo gia nhiệt liên tục/gián đoạn, môi trường, vật liệu nền, chiều dày màng. Chức năng nêu trong tài liệu không tự bảo đảm phù hợp với điều kiện sử dụng.

01 Paint Voyager



Hình minh họa dịch vụ

Lớp phủ cách điện cho linh kiện EV

Xem xét sơn bột cách điện thanh dẫn và linh kiện động cơ theo hình dạng, phương pháp gia công, chiều dày màng, điều kiện nhiệt. Đây là các mục lựa chọn và tư vấn riêng theo ứng dụng.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-049	Sơn bột cách điện phủ cạnh tốt cho thanh dẫn điện và vật dẫn	Kiểm tra chiều dày màng thực tế tại góc cạnh của thanh dẫn điện, khả năng chịu điện áp và phương pháp sơn.
1-050	Sơn bột phủ cạnh tốt cho lớp cách điện chính của vật dẫn	Kiểm tra ứng dụng cách điện sơ cấp và độ phủ cạnh. Xem xét riêng theo quy cách mới nhất và khả năng cung cấp.
1-051	Sơn bột cách điện chịu nhiệt cao, dùng thấm vào khe giữa các dây dẫn	Kiểm tra đối tượng dẫn điện và điều kiện đóng rắn theo yêu cầu chịu nhiệt cao, khả năng thẩm thấu.
1-052	Sơn bột phục hồi cách điện đầu cuộn dây động cơ dùng dây dệt	Kiểm tra hình dạng mối hàn, gia nhiệt trước, sấy, chiều dày màng và đánh giá phục hồi cách điện trên chi tiết thực tế.
1-053	Sơn bột cách điện thanh dẫn điện, phù hợp gia công uốn	Đánh giá bán kính uốn, chiều dày màng và thứ tự gia công trên chi tiết thực tế. Quy cách, khả năng cung cấp cần xác nhận riêng.
1-054	Sơn bột cách điện thanh dẫn điện, loại chịu nhiệt cao	Kiểm tra khả năng chịu nhiệt và điều kiện sử dụng cần có. Quy cách, khả năng cung cấp cần xác nhận riêng.
1-055	Sơn bột cách điện dẫn nhiệt, dùng cho màng dày	Chiều dày màng khuyến nghị tham khảo: 200-500µm. Đánh giá đường truyền nhiệt và khả năng cách điện trên chi tiết thực tế.
1-056	Sơn bột cách điện dẫn nhiệt, dùng cho màng mỏng	Chiều dày màng khuyến nghị tham khảo: 40-200µm. Đánh giá khả năng cách điện màng mỏng và điều kiện tản nhiệt.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Độ bền điện môi, khả năng chịu nhiệt, nhiệt độ chuyển thủy tinh và nhiệt độ sấy là các chỉ số khác nhau. Xác nhận quy cách mới nhất, khả năng cung cấp và đánh giá trên chi tiết thực tế.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Hóa chất tiền xử lý và chuyển hóa

Kết hợp tẩy dầu, điều chỉnh bề mặt, chuyển hóa và chống gỉ tạm thời theo quy trình. Việc chuyển sang tiền xử lý không dùng phốt pho cũng được xem xét trên vật liệu và toàn quy trình.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-057	Hóa chất tạo màng chuyển hóa gốc zirconium	Xem xét xử lý chuyển hóa không dùng phốt pho. Việc có sử dụng flo hay không được xác nhận riêng.
1-058	Hóa chất tiền xử lý trước sơn thay thế xử lý phosphate	Xem xét xử lý không dùng phốt pho và flo. Xác nhận điều kiện không rửa nước sau xử lý nhưng cần làm khô.
1-059	Chất chống gỉ tạm thời gốc hữu cơ	Dùng chống gỉ tạm thời khi lưu kho hoặc giữa các công đoạn. Kiểm tra yêu cầu loại trừ thành phần và tương thích với công đoạn sau.
1-060	Hóa chất loại dầu và chất bẩn trên chi tiết thép	Kiểm tra phương pháp xử lý, loại dầu, nhiệt độ, sản lượng và điều kiện quản lý bể.
1-061	Hóa chất tẩy dầu cho nhôm và kim loại nhẹ	Đánh giá ảnh hưởng đến vật liệu như nhôm và tính tương thích với công đoạn sau.
1-062	Chất làm sạch và phụ trợ cho công đoạn tẩy dầu	Chọn theo đối tượng làm sạch, dầu bám, phương pháp sử dụng và điều kiện làm việc.
1-063	Chất tẩy gỉ và làm sạch bề mặt có tính axit	Kiểm tra loại axit, ảnh hưởng đến vật liệu và công đoạn sau. Có thể bao gồm hệ axit photphoric.
1-064	Chất làm sạch bề mặt nhôm, đồng và vật liệu tương tự	Chọn theo vật liệu như nhôm, đồng, chất bẩn và điều kiện xử lý bề mặt.
1-065	Chất điều chỉnh bề mặt trước phosphat hóa kẽm	Chất điều chỉnh bề mặt trước công đoạn phốt phát kẽm. Kiểm tra tương thích với bể và quy trình.
1-066	Hóa chất chuyển hóa truyền thống làm nền trước sơn	Dùng để xem xét cho dây chuyền hiện hữu hoặc so sánh phương án. Đây là quy trình có sử dụng phốt pho.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Không dùng axit photphoric, không dùng phốt pho và không dùng flo không đồng nghĩa. Kiểm tra thành phần, điều kiện từng công đoạn. Khi chuyển sang không dùng phốt pho, đánh giá cả công đoạn trước và sau.



Hình minh họa dịch vụ

01 Paint Voyager

Sửa chữa mạ kẽm và chống gỉ

Sơn giàu kẽm và vật liệu liên quan cho chống gỉ thép, sửa chữa lớp mạ kẽm. Chọn theo ngoại quan, tình trạng bề mặt và chiều dày màng cần có.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
1-067	Sơn hàm lượng bột kẽm cao; sơn giàu kẽm hữu cơ	Kiểm tra chuẩn bị bề mặt, chiều dày màng và bao bì cho chống gỉ thép hoặc sửa chữa lớp mạ kẽm.
1-068	Sơn giàu kẽm hữu cơ, hoàn thiện màu bạc	Kiểm tra ngoại quan màu bạc, tương thích với sơn lót và chiều dày màng cần có.
1-069	Sơn giàu kẽm gốc epoxy đặc biệt, một thành phần	Nếu sơn phủ lên trên, kiểm tra tương thích với loại sơn hệ dung môi nhẹ phù hợp.
1-070	Dung môi pha loãng riêng cho sơn giàu kẽm	Chọn dung môi pha loãng được chỉ định cho sơn giàu kẽm theo quy cách sản phẩm và điều kiện pha.
1-071	Dung môi pha loãng riêng cho sơn giàu kẽm gốc epoxy đặc biệt	Chọn dung môi pha loãng riêng phù hợp với sơn giàu kẽm gốc epoxy đặc biệt cần sử dụng.
1-072	Sơn giàu kẽm hữu cơ, loại màng dày	Xem xét chống gỉ bằng màng dày. Xác nhận riêng điều kiện thi công và khả năng cung cấp.
1-073	Sơn giàu kẽm hữu cơ, hoàn thiện ánh kim	Xem xét độ bóng kim loại và khả năng chống gỉ. Xác nhận riêng quy cách và khả năng cung cấp.
1-074	Sơn giàu kẽm hữu cơ gốc nước	Quy cách cần trộn phần sơn lỏng với bột. Xác nhận riêng điều kiện thi công và khả năng cung cấp.
1-075	Sơn chống gỉ giàu kẽm có xem xét yêu cầu thành phần và môi trường	Kiểm tra yêu cầu về thành phần và phiếu an toàn hóa chất. Quy cách, khả năng cung cấp cần xác nhận riêng.
1-076	Sơn giàu kẽm sửa chữa lớp mạ hợp kim kẽm	Sơn chứa kẽm, nhôm và magiê. Kiểm tra lớp mạ cần sửa chữa và khả năng cung cấp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Kiểm tra dung môi tương thích, chuẩn bị bề mặt, chiều dày màng và điều kiện sơn phủ theo sản phẩm. Bao bì dạng lon, bình xịt và điều kiện cung cấp được tư vấn riêng.

02 Paint Optimizer / 03 Color Balue

Sơn mang thương hiệu riêng

Giới thiệu sơn Paint Optimizer và Color Balue theo từng dịch vụ. C BALUE F, U vẫn là sản phẩm chủ lực hiện nay. Vui lòng trao đổi vật liệu, bề mặt hoàn thiện và quy trình sơn.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
Paint Optimizer		
2-001	C TOP Sơn gốc polyurethane	Kiểm tra số thành phần, chất đóng rắn và điều kiện sơn trong TDS.
2-002	C TIGHT Sơn lót epoxy hai thành phần	Xác nhận chuẩn bị nền, tỷ lệ pha và tương thích với sơn phủ.
2-003	C KID Sơn gốc alkyd	Kiểm tra điều kiện khô và chi tiết cần sơn.
2-004	C NICE Sơn lacquer acrylic	Kiểm tra nền, dung môi và điều kiện khô.
Color Balue		
3-001	C BALUE A Sơn acrylic sấy đóng rắn	Kiểm tra nhiệt độ thực của vật sơn và thời gian duy trì.
3-002	C BALUE M Sơn nhựa amino-alkyd	Kiểm tra điều kiện sấy và thinner sử dụng.
3-003	C BALUE F Sơn fluoropolymer một thành phần, sấy đóng rắn	Sản phẩm chủ lực. Kiểm tra vật liệu, điều kiện sấy và yêu cầu bền thời tiết.
3-004	C BALUE U Sơn polyurethane một thành phần, sấy đóng rắn	Sản phẩm chủ lực. Kiểm tra vật liệu, điều kiện sấy và tính năng màng yêu cầu.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Kiểm tra tỷ lệ pha, đóng rắn, dung môi, sơn chống theo tài liệu sản phẩm được chọn. Tên thương hiệu riêng không chỉ định đơn vị sản xuất.

02 Paint Optimizer



Hình minh họa dịch vụ

Paint Optimizer Powder | Phân loại cơ bản

Phân loại để chọn sơn bột theo hệ nhựa, cơ chế đóng rắn, ngoại quan. Xem xét quy cách phù hợp theo vật liệu, môi trường sử dụng và điều kiện sấy.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
2-005	Sơn bột epoxy	Kiểm tra yêu cầu ứng dụng và độ bền thời tiết theo tài liệu kỹ thuật của từng sản phẩm.
2-006	Sơn bột hybrid	Kiểm tra tổ hợp nhựa và ứng dụng trong TDS riêng.
2-007	Sơn bột polyester	Với ngoài trời, xác nhận cấp bền thời tiết và thực tế sử dụng.
2-008	Sơn bột acrylic	Kiểm tra nền, tính năng màng và điều kiện sấy.
2-009	Sơn bột polyurethane	Xác nhận riêng điều kiện đóng rắn và ứng dụng.
2-010	Nhóm sơn bột cho ứng dụng chịu nhiệt	Kiểm tra khả năng chịu nhiệt, nhiệt độ sử dụng, hệ nhựa và điều kiện sấy theo từng quy cách.
2-011	Sơn bột có sử dụng / không sử dụng TGIC	Kiểm tra quy cách theo yêu cầu về thành phần, chẳng hạn sử dụng hoặc không sử dụng TGIC.
2-012	Sơn bột hiệu ứng đặc biệt Tư vấn riêng về bề mặt hoàn thiện	Vui lòng trao đổi ngoại quan, hiệu ứng mong muốn. Xác nhận riêng định nghĩa bề mặt hoàn thiện và quy cách sản phẩm.
2-013	Phân nhóm bề mặt phẳng, vân mịn và vân thô	Kiểm tra dạng vân bề mặt, điều kiện sấy và độ chảy theo từng quy cách.
2-014	Hiệu ứng metallic màu bạc / mica	Kiểm tra cách phối trộn bột màu, quy cách bonding và chọn theo ngoại quan mục tiêu.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Các nhóm phục vụ lựa chọn và tư vấn. Tính năng, điều kiện sấy, phạm vi cung cấp hiện tại của từng sản phẩm được xác nhận khi trao đổi.

02 Paint Optimizer



Paint Optimizer Powder | Tính năng, hiệu ứng

Xem xét sơn bột theo mục đích như dễ làm sạch, bền thời tiết, trang trí, cách điện. Kiểm tra chức năng và ngoại quan yêu cầu trên tấm mẫu hoặc chi tiết thực tế.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
2-015	Nhóm sơn bột cho vệ sinh và chăm sóc sức khỏe	Tính năng cụ thể như kháng khuẩn cần có điều kiện thử và tài liệu chứng minh.
2-016	Nhóm sơn bột hỗ trợ làm sạch	Xác nhận loại vết bẩn và điều kiện vệ sinh.
2-017	Nhóm sơn bột dùng cho trang trí chuyển nhiệt	Kiểm tra màng chuyển, nhiệt độ và khả năng tái tạo hiệu ứng.
2-018	Nhóm sơn bột hoàn thiện trong suốt	Kiểm tra kết hợp với màu nền và hiệu ứng.
2-019	Nhóm sơn bột cho yêu cầu bền thời tiết cao	Kiểm tra tiêu chuẩn thử, cấp tính năng và đúng mã.
2-020	Tư vấn riêng về chức năng đặc biệt và độ chảy của sơn bột	Vui lòng cho biết chức năng và độ chảy mong muốn. Xem xét riêng từ quy cách cụ thể và khả năng cung cấp.
2-021	Nhóm sơn bột tạo hiệu ứng đặc biệt	Kiểm tra màu, độ bóng và vân trên tấm mẫu.
2-022	Sơn lót dạng bột	Xác nhận tương thích với nền, tiền xử lý và sơn phủ.
2-023	Nhóm sơn bột có xử lý bonding	Kiểm tra ngoại quan metallic, sử dụng bột thu hồi và sai lệch màu.
2-024	Nhóm sơn bột chịu nhiệt	Xác nhận nhiệt độ liên tục/ngắn hạn và biến đổi màu.
2-025	Nhóm sơn bột cách điện / epoxy nóng chảy bám dính (FBE)	Không gộp các công dụng khác nhau; đối chiếu yêu cầu tính năng và mã cụ thể.
2-026	Nhóm sơn bột cho gia công tạo hình sau sơn	Đánh giá điều kiện tạo hình, nứt màng và bám dính.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Tên chức năng không phải bảo đảm tính năng của từng sản phẩm. Kiểm tra điều kiện thử, mức yêu cầu, quy cách và khả năng cung cấp trước khi đề xuất.



03 Color Balue

Dòng C BALUE và hỗ trợ lựa chọn

Thống nhất màu, bề mặt hoàn thiện mục tiêu để lựa chọn sơn sấy và điều kiện sơn. Xem danh mục thương hiệu riêng tại trang 18.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
3-005	Làm rõ yêu cầu màu và hoàn thiện Xác nhận màu đích, độ bóng, ngoại quan và môi trường sử dụng	Thống nhất mẫu chuẩn và giới hạn chấp nhận với khách hàng.
3-006	Hỗ trợ chọn dòng C BALUE Lựa chọn sơn sấy thuộc Color Balue	Xem danh mục sơn trong phần Color Balue tại trang 18.
3-007	Đánh giá trên tấm mẫu và chi tiết thực Đối chiếu màu, ngoại quan, chiều dày và điều kiện đóng rắn	Đánh giá trên cơ sở điều kiện thử thống nhất và mẫu được phê duyệt.
3-008	Đồng bộ điều kiện sơn Kiểm tra tổ hợp pha loãng, phun sơn và sấy	Phối hợp Thinner Streamer và Coat Systemizer.
3-009	Kiểm tra khả năng tái lập Ghi nhận để nhận biết khác biệt giữa mẫu và sản xuất hàng loạt	Kiểm tra lô sơn, chiều dày, nhiệt độ vật sơn, thời gian và điều kiện liên quan.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Vui lòng trao đổi màu mục tiêu, sai lệch màu cho phép, mẫu, phương pháp thử và thời gian mong muốn. Tiến hành sau khi xác nhận nội dung đánh giá, phạm vi đáp ứng.



Hình minh họa dịch vụ

04 Thinner Streamer

Dung môi cho thương hiệu riêng | Tư vấn

Dung môi liên quan để xem xét tương thích giữa sơn và điều kiện làm việc. Đây là đối tượng tư vấn phát triển/lựa chọn, không biểu thị sản phẩm đã chốt quy cách hoặc có sẵn trong kho.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
4-001	C BALUE ME Thinner Thinner cho sơn melamine sấy	Kiểm tra mã sơn tương ứng và điều kiện pha loãng khuyến nghị.
4-002	C BALUE AE Thinner Thinner cho sơn acrylic sấy	Xác nhận tương thích với sơn sấy; không đồng nhất với thinner đa dụng.
4-003	C BALUE Primer Thinner Thinner cho sơn lót epoxy	Kiểm tra chỉ định của hãng sơn, bao gồm tương thích với C TIGHT.
4-004	C STREAM-F Thinner Thinner điều chỉnh tốc độ khô theo hướng nhanh hơn	Xác nhận đặc tính bay hơi thực tế và phạm vi bổ sung cho phép.
4-005	C STREAM-L Thinner Thinner điều chỉnh tốc độ khô theo hướng chậm hơn	Đánh giá nhiệt độ/độ ẩm, khả năng hòa tan và ngoại quan trên thiết bị thực.
4-006	C KID Q Thinner Thinner loại khô nhanh cho sơn alkyd	Kiểm tra sơn tương ứng và khác biệt với loại tiêu chuẩn.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Xác nhận sơn, tỷ lệ pha, điều kiện khô, lượng sử dụng để xem xét riêng quy cách và cung cấp. Việc pha trộn hoặc thay dung môi chỉ định được quyết định sau đánh giá tương thích.



Hình minh họa dịch vụ

04 Thinner Streamer

Dung môi, chất làm sạch theo ứng dụng

Xem xét riêng pha loãng, điều chỉnh khô, làm sạch thiết bị và chi tiết theo mục đích. Kiểm tra tương thích với sơn, đối tượng làm sạch để đề xuất dung môi phù hợp.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
4-007	Dung môi pha loãng sơn lacquer	Chọn quy cách theo tương thích với sơn lacquer, đặc tính khô và điều kiện làm việc.
4-008	Dung môi hỗn hợp dùng vệ sinh sơn	Dùng rửa sơn và chất bám. Xác nhận riêng mục đích sử dụng, phân biệt với pha loãng sơn.
4-009	Dung môi theo mục đích: hoàn thiện gỗ, làm sạch, hạn chế trắng màng	Chọn theo mục đích hoàn thiện gỗ, làm sạch, hạn chế trắng màng và loại sơn sử dụng.
4-010	Dung môi pha loãng và điều chỉnh quy trình sơn sấy	Chọn theo loại sơn, điều kiện sấy, tốc độ khô và ngoại quan.
4-011	Dung môi pha loãng cho sơn một và hai thành phần	Đánh giá ảnh hưởng đến chất đóng rắn, hàm lượng nước, khả năng hòa tan và yêu cầu chỉ định của sơn.
4-012	Dung môi dùng khi sơn PE, PP, ABS, PC và vật liệu tương tự	Đánh giá ăn mòn bề mặt, trắng màng, nứt theo vật liệu PE, PP, ABS, PC và loại sơn.
4-013	Dung môi pha loãng: tiêu chuẩn, hòa tan mạnh, khô nhanh và các loại khác	Chọn riêng theo loại sơn, khả năng hòa tan, tốc độ khô và điều kiện làm việc.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Xác nhận riêng quy cách, phiếu an toàn hóa chất, bao bì và điều kiện cung cấp. Dung môi pha loãng và chất làm sạch được lựa chọn theo mục đích riêng.



Hình minh họa dịch vụ

04 Thinner Streamer

Dung môi, chất làm sạch theo ứng dụng

Xem xét riêng pha loãng, điều chỉnh khô, làm sạch thiết bị và chi tiết theo mục đích. Kiểm tra tương thích với sơn, đối tượng làm sạch để đề xuất dung môi phù hợp.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
4-014	Chất tẩy dầu và làm sạch chi tiết kim loại	Kiểm tra loại dầu, thiết bị làm sạch, yêu cầu khô nhanh/chậm và điều kiện khô.
4-015	Chất tẩy dầu nhựa, làm sạch flux, thấu kính và ứng dụng tương tự	Phân biệt ứng dụng cho nhựa và chi tiết chính xác theo hư hại vật liệu, cặn và độ sạch yêu cầu.
4-016	Dung môi hydrocarbon công nghiệp	Kiểm tra toluene, xylene, hỗn hợp dung môi thơm theo mục đích sử dụng và phiếu an toàn hóa chất.
4-017	Dung môi công nghiệp nhóm alcohol, ester và ketone	Kiểm tra nguyên liệu alcohol, ester, ketone theo ứng dụng và đánh giá tương thích với sơn, vật liệu.
4-018	Chất pha loãng và làm sạch được thiết kế riêng	Với dung môi pha loãng/chất làm sạch thiết kế riêng, vui lòng trao đổi ứng dụng, lượng cần dùng, điều kiện phát triển và khả năng cung cấp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Xác nhận riêng quy cách, phiếu an toàn hóa chất, bao bì và điều kiện cung cấp. Dung môi pha loãng và chất làm sạch được lựa chọn theo mục đích riêng.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Tiền xử lý, sơn, vận chuyển, sấy

Tư vấn thiết bị theo quy trình từ tiền xử lý đến sơn, vận chuyển, sấy. Xem xét cấu hình cần có từ chi tiết, kích thước hiện trường và năng lực sản xuất.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-001	Thiết bị rửa kiểu nhúng / liên tục / buồng kín Tiền xử lý như tẩy dầu, làm sạch	Kiểm tra vật liệu, loại dầu, hóa chất, số công đoạn và năng suất.
5-002	Buồng sơn lỏng kiểu ướt / khô Thiết bị thu sương sơn	Kiểm tra cấp/hút khí, xử lý nước hoặc bộ lọc và khả năng bảo trì.
5-003	Dây chuyền sơn thủ công / tự động Kết hợp các công đoạn thủ công và tự động	Xem xét tư thế thao tác, nhịp sản xuất, đổi màu và công đoạn sửa lỗi.
5-004	Dây chuyền / buồng sơn bột Cấp, phun, thu hồi và đóng rắn bột	Kiểm tra tương thích của sơn bột với hệ cấp, phun, thu hồi và đóng rắn.
5-005	Thiết bị sơn điện di (ED) Thiết bị sử dụng sơn điện di	Thiết kế riêng tiền xử lý, bể, nguồn điện, lọc/rửa và sấy.
5-006	Vận chuyển trên cao / trolley / free-flow Hệ treo, xe chuyển tải	Kiểm tra tải chi tiết, tích lũy/dừng và chuyển giao giữa công đoạn.
5-007	Băng tải sàn / con lăn / dầm chữ I Vận chuyển giữa công đoạn bằng hệ sàn, treo	Kiểm tra tải, tư thế chi tiết, tuyến di chuyển và khả năng vệ sinh.
5-008	Thiết bị spindle / bàn xoay Sơn bằng chuyển động quay, chia vị trí chi tiết	Xem xét theo hình dạng chi tiết nhỏ/nhựa, đồ gá và tư thế sơn.
5-009	Lò sấy liên tục / theo mẻ Làm khô và sấy đóng rắn màng sơn	Kiểm tra nhiệt độ vật sơn, thời gian duy trì, nguồn nhiệt và phân bố nhiệt.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Đây là phân loại tư vấn/thiết kế. Phạm vi thân máy, vận chuyển vào xưởng, lắp đặt, công trình phụ trợ, điều khiển, bảo dưỡng và khả năng cung cấp được xác nhận theo từng dự án.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Sơn nhựa và đóng rắn UV

Xem xét sơn, vận chuyển, làm khô, đóng rắn UV theo ngoại quan và khả năng chịu nhiệt của linh kiện nhựa. Với thiết bị chiếu UV đơn lẻ, chúng tôi xác nhận điều kiện để tư vấn phạm vi đáp ứng.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-010	Dây chuyền sơn linh kiện nhựa Kết hợp sơn, sấy và vận chuyển	Xác nhận loại nhựa, hình dạng, giới hạn nhiệt, ngoại quan và sản lượng.
5-011	Công đoạn khử bụi, chống tĩnh điện Xem xét xử lý bụi bám và tích điện	Chọn phương pháp, vị trí lắp và độ sạch theo điều kiện hiện trường.
5-012	Buồng sơn và môi trường khí cấp Môi trường làm việc khi sơn linh kiện nhựa	Áp dụng phân loại buồng sơn ở phần trước. Kiểm tra lưu lượng, độ sạch, nhiệt độ và độ ẩm.
5-013	Vận chuyển quay và đồ gá sơn Giữ, xoay và điều chỉnh tư thế chi tiết	Có thể dùng spindle. Kiểm tra vùng bị che và vết đồ gá.
5-014	Dây chuyền sơn UV Từ phủ sơn đến đóng rắn bằng tia UV	Thiết kế sấy, vận chuyển và chiếu UV cần thiết theo quy cách sơn.
5-015	Thiết bị chiếu UV đơn lẻ Đóng rắn màng sơn bằng tia cực tím	Có thể tư vấn thiết bị đơn lẻ. Xác nhận quy cách theo nguồn sáng, sơn, vùng chiếu và điều kiện lắp đặt.
5-016	Làm khô / flash-off trước chiếu UV Làm khô, chờ bay hơi theo quy cách sơn	Xác định sự cần thiết của công đoạn làm khô trước chiếu UV dựa trên quy cách sơn và đánh giá quy trình.
5-017	Quản lý, đánh giá điều kiện chiếu Cài đặt và kiểm tra công đoạn đóng rắn UV	Đối chiếu bước sóng, cường độ chiếu, liều chiếu tích lũy, khoảng cách và tốc độ vận chuyển.
5-018	Che chắn ánh sáng, hút khí, liên động Cơ cấu bảo vệ và an toàn cho công đoạn UV	Xác định biện pháp và trách nhiệm theo nguồn sáng, sơn và vị trí lắp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Đóng rắn UV và làm khô bằng nhiệt là công đoạn khác nhau. Đánh giá điều kiện đóng rắn, ảnh hưởng nhiệt đến vật liệu, bám dính và ngoại quan trên chi tiết thực tế.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Thiết bị phụ trợ, điều khiển, bảo dưỡng

Xem xét cấp/hút khí, xử lý môi trường, điều khiển, lắp đặt và bảo dưỡng trên toàn dây chuyền. Có thể trao đổi cả kết nối, cải tạo thiết bị hiện hữu.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-019	Thiết bị cấp khí sạch và điều hòa phòng sơn	Kiểm tra nhiệt độ/độ ẩm, độ sạch và cân bằng áp suất cấp/hút.
5-020	Thiết bị thu hồi cyclone / thu bụi Thu hồi bột và thu gom bụi	Kiểm tra vật chất thu hồi, lưu lượng, bộ lọc và cách dùng bột thu hồi.
5-021	Thiết bị xử lý khí thải	Chọn phương pháp theo thành phần, nồng độ và lưu lượng khí.
5-022	Thiết bị xử lý nước thải quy trình	Kiểm tra hóa chất, tính chất nước thải, công suất và quản lý vận hành.
5-023	Tủ điều khiển / PLC và liên động thiết bị Điều khiển sơn, vận chuyển, sấy	Kiểm tra điều kiện hoạt động, liên động và kết nối tại hiện trường.
5-024	Chế tạo tùy chỉnh bộ phận thiết bị, đồ gá	Xác nhận bản vẽ, vật liệu, độ chính xác và phạm vi kiểm tra.
5-025	Lắp đặt, bảo dưỡng, cải tạo Lắp máy, kiểm tra, điều chỉnh, thay vật tư hao mòn	Xác nhận đơn vị thi công, thời gian dừng máy, cung ứng linh kiện và năng lực bảo trì.
5-026	Thiết bị nhiệt luyện, ủ Gia nhiệt ngoài công đoạn sấy sơn	Dùng cho xử lý nhiệt khác với đóng rắn màng sơn. Xem xét riêng yêu cầu và khả năng đáp ứng.
5-027	Hệ cấp nước làm mát, nước tinh khiết Tư vấn thiết kế	Nội dung tư vấn bắt đầu từ nhu cầu nước làm mát/nước tinh khiết. Quy cách và khả năng đáp ứng cần xác nhận riêng.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Các mục là đối tượng tư vấn. Xác nhận trách nhiệm thi công, kết nối tại chỗ, an toàn, bảo hành, bảo dưỡng. Nước làm mát/nước tinh khiết được xem xét riêng từ nhu cầu và khả năng đáp ứng.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Buồng sơn venturi ướt | Loại tiêu chuẩn

Buồng ướt dùng nước thu sương sơn. Liệt kê các lựa chọn theo bề rộng. Loại tiêu chuẩn sử dụng lực hút khí để hút nước lên, không dùng bơm nước.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-028	Buồng sơn venturi ướt Bề rộng 1,500 mm	Ngoài bề rộng chi tiết, kiểm tra lối thao tác, cấp/hút khí, ống gió và không gian bảo trì.
5-029	Buồng sơn venturi ướt Bề rộng 2,000 mm	Ngoài bề rộng chi tiết, kiểm tra lối thao tác, cấp/hút khí, ống gió và không gian bảo trì.
5-030	Buồng sơn venturi ướt Bề rộng 2,500 mm	Ngoài bề rộng chi tiết, kiểm tra lối thao tác, cấp/hút khí, ống gió và không gian bảo trì.
5-031	Buồng sơn venturi ướt Bề rộng 3,000 mm	Ngoài bề rộng chi tiết, kiểm tra lối thao tác, cấp/hút khí, ống gió và không gian bảo trì.
5-032	Buồng sơn venturi ướt Bề rộng 3,500 mm	Ngoài bề rộng chi tiết, kiểm tra lối thao tác, cấp/hút khí, ống gió và không gian bảo trì.
5-033	Buồng sơn venturi ướt Bề rộng 4,000 mm	Ngoài bề rộng chi tiết, kiểm tra lối thao tác, cấp/hút khí, ống gió và không gian bảo trì.
5-034	Buồng sơn venturi ướt Bề rộng 5,000 mm	Ngoài bề rộng chi tiết, kiểm tra lối thao tác, cấp/hút khí, ống gió và không gian bảo trì.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Quy cách tham khảo: chiều sâu và chiều cao trần tiêu chuẩn đều 2,000 mm. Kiểm tra kích thước, tổng chiều cao, nguồn điện trên bản vẽ chính thức. Điện áp, số pha, tần số tại chỗ và khả năng cung cấp cần xác nhận riêng.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Buồng sơn ướt | Lựa chọn cấu hình

Xem xét chiếu sáng, trần cao, hố, cấp/hút khí, tắm nước theo chi tiết và môi trường làm việc. Kiểm tra cấu hình theo bề rộng cần có và điều kiện hiện trường.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-035	Buồng Venturi có đèn LED	Đối chiếu ánh sáng, vùng thao tác và điều kiện kiểm tra màu.
5-036	Buồng Venturi cấu hình phòng nổ kiểu tăng cường an toàn	Xác nhận vị trí áp dụng, phạm vi và yêu cầu tại địa phương.
5-037	Buồng Venturi trần cao	Trần cao 2,500 mm. Kiểm tra chiều cao chi tiết và đồ treo.
5-038	Buồng Venturi kiểu hố sàn	Kiểm tra thi công hố, lối vệ sinh/bảo trì và kích thước lắp.
5-039	Buồng cân bằng khí, tích hợp cấp và hút	Kiểm tra cân bằng cấp/hút và điều kiện nhà xưởng.
5-040	Buồng Venturi có tắm màn nước	Bề rộng tham khảo: 1,500 / 2,000 / 2,500 / 3,000 mm. Kiểm tra cấu hình có bơm chìm và nguồn điện.
5-041	Buồng có tắm màn nước và đèn LED	Cấu hình kết hợp màn nước và chiếu sáng.
5-042	Buồng có màn nước, phòng nổ kiểu tăng cường an toàn	Xác nhận riêng phạm vi và quy cách phòng nổ.
5-043	Buồng có màn nước và trần cao	Trần cao 2,500 mm. Kiểm tra cả điều kiện quản lý màn nước.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Phạm vi phòng nổ được kiểm tra theo thiết bị điện, dung môi, môi trường lắp đặt. Xem xét cả nước tuần hoàn, bùn, vệ sinh, nước thải và công trình phụ trợ.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Máy nén khí | Scroll và piston

Chọn loại không dầu/có dầu, hình thức lắp đặt từ lượng khí, áp suất và môi trường. Kiểm tra cả điều kiện sử dụng đồng thời nhiều thiết bị.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-044	Máy nén khí scroll không dầu Dạng tủ cách âm	Công suất tiêu biểu 1.5 / 2.2 / 3.7 kW. Đối chiếu áp suất và có/không có máy sấy khí.
5-045	Máy nén khí scroll không dầu Dạng tủ gồm nhiều cụm nén	Kiểm tra quy cách theo cấu hình nhiều cụm nén, nhu cầu khí, cách điều khiển và điều kiện lắp đặt.
5-046	Máy nén khí scroll không dầu chú trọng độ ồn thấp	1.5 / 2.2 kW. Kiểm tra nhu cầu khí và môi trường lắp đặt.
5-047	Máy nén khí scroll không dầu Lắp trên bình chứa khí	1.5 / 2.2 / 3.7 kW. Kiểm tra di chuyển, lắp đặt và điều kiện bình chứa.
5-048	Máy nén khí piston không dầu Lắp trên bình chứa khí	Công suất tiêu biểu 1.5 / 3.7 / 7.5 kW. Kiểm tra áp suất và chu kỳ làm việc.
5-049	Máy nén khí piston không dầu cỡ nhỏ	0.2 / 0.4 kW. Ứng viên cho nhu cầu khí nhỏ.
5-050	Máy nén khí piston không dầu Dạng tủ	Công suất tiêu biểu: 1.5 / 3.7 / 7.5 kW. Kiểm tra áp suất, chức năng tách ẩm và điều kiện lắp đặt.
5-051	Máy nén khí piston có dầu Lắp trên bình chứa khí	Công suất tiêu biểu 1.5 / 3.7 / 7.5 kW. Kiểm tra quản lý bôi trơn và xử lý khí.
5-052	Máy nén khí piston có dầu Dạng tủ	Công suất tiêu biểu 1.5 / 3.7 / 7.5 kW. Kiểm tra áp suất, chế độ chạy và tản nhiệt tại nơi lắp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Công suất là giá trị tiêu biểu của các ứng viên. Chốt quy cách sau khi kiểm tra điện tại chỗ, chất lượng khí ở điểm dùng, tách ẩm, lọc và bảo dưỡng.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Máy nén khí | Trục vít và xử lý khí

Xem xét trục vít, claw, tăng áp, tách ẩm và bình chứa theo nhu cầu khí của nhà máy. Chọn tốc độ cố định/biến tần theo điều kiện vận hành thực tế.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-053	Máy nén khí trục vít có dầu Biến tần, lắp trên bình chứa khí	7.5 / 11 / 15 kW. Xác nhận cấu hình tích hợp bình và kích thước lắp.
5-054	Máy nén khí trục vít có dầu Dạng tủ, tốc độ cố định	Công suất tiêu biểu: 15 / 22 / 37 kW. Kiểm tra áp suất, chức năng tách ẩm và điều kiện lắp đặt.
5-055	Máy nén khí trục vít có dầu Dạng tủ, biến tần	15 / 22 / 37 kW. Kiểm tra biến động nhu cầu khí và phạm vi điều khiển.
5-056	Máy nén khí kiểu claw không dầu Dạng tủ	Công suất tiêu biểu 15 / 30 / 45 kW. Kiểm tra làm mát và môi trường lắp.
5-057	Máy nén khí kiểu claw không dầu Loại biến tần	22 / 37 kW. Kiểm tra biến động nhu cầu, áp suất vận hành và điện.
5-058	Bộ tăng áp khí nén	Kiểm tra kiểu có dầu/không dầu, điều kiện đầu vào và áp suất đầu ra cần có.
5-059	Máy sấy khí kiểu làm lạnh	Tách ẩm khí nén. Kiểm tra nhiệt độ đầu vào, lưu lượng, áp suất và điểm sương yêu cầu.
5-060	Bình tích khí / bình chứa khí nén	Kiểm tra dung tích, áp suất làm việc, vật liệu, xả nước ngưng và điều kiện lắp.
5-061	Máy nén khí piston di động, dẫn động bằng động cơ đốt trong	Kiểm tra quy cách, khả năng cung cấp theo kiểu có dầu/không dầu, nguồn động lực và nơi làm việc.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Ngoài lưu lượng, áp suất, kiểm tra tổn thất áp đường ống, chạy đồng thời, kế hoạch mở rộng và bảo dưỡng. Hiệu quả tiết kiệm năng lượng, năng lực phụ thuộc điều kiện dùng.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Sơn bột tĩnh điện và cấp bột

Thiết bị cho phun bột thủ công/tự động, đổi màu, cấp định lượng và kiểm tra tình trạng vận chuyển bột. Xem xét tổ hợp thiết bị sơn, súng, điều khiển và cấp bột.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-062	Bộ phun sơn bột tĩnh điện thủ công, cấp từ thùng	Kiểm tra số súng, cấu hình thùng, chi tiết cần sơn và năng lực phun cần có.
5-063	Bộ phun sơn bột tĩnh điện thủ công, cấp từ hộp sơn	Xem xét số súng và cấu hình cấp bột cho đổi màu, sản xuất nhiều loại với lô nhỏ.
5-064	Bộ phun sơn bột thủ công, thùng cấp có khuấy	Phương thức cấp khác loại tăng sôi.
5-065	Bộ phun sơn bột phòng thử, giá đỡ cố	Dành cho thử nghiệm và làm mẫu sơn.
5-066	Súng phun sơn bột tĩnh điện cầm tay	Tư vấn súng đơn lẻ. Kiểm tra tương thích với thiết bị cấp bột và bộ điều khiển.
5-067	Súng phun bột tự động, tích điện corona	Chọn quy cách theo khả năng vệ sinh, cách lắp đặt và chi tiết cần sơn.
5-068	Súng phun bột corona tự động cỡ nhỏ	Tư vấn súng tự động cỡ nhỏ. Quy cách chính thức, tương thích kết nối và khả năng cung cấp cần xác nhận riêng.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Cấu hình tương thích khác nhau theo thiết bị. Kiểm tra riêng súng, điều khiển, cấp/thu hồi, loại bột sử dụng và khả năng cung cấp.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Sơn bột tĩnh điện và cấp bột

Thiết bị cho phun bột thủ công/tự động, đổi màu, cấp định lượng và kiểm tra tình trạng vận chuyển bột. Xem xét tổ hợp thiết bị sơn, súng, điều khiển và cấp bột.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-069	Bộ điều khiển số cho sơn bột	Xác nhận cấu hình tương thích với súng và hệ cấp.
5-070	Cụm súng phun bột tự động / cấu hình cấp định lượng	Phân biệt cấu hình cấp tiêu chuẩn/cấp định lượng; kiểm tra lượng cấp bột và điều khiển cần có.
5-071	Thiết bị cấp định lượng và điều khiển sơn bột	Chọn theo điều kiện, từ điều khiển bằng cảm biến điện dung, cấp bằng vít tải và các phương thức phù hợp.
5-072	Buồng sơn bột hỗ trợ đổi màu	Xem xét cấu hình theo tần suất đổi màu, diện tích lắp đặt, nhu cầu di chuyển hoặc chia mô-đun.
5-073	Cảm biến vi sóng phát hiện tắc trong vận chuyển bột	Gắn trên ống mềm. Cần xác nhận theo loại bột và điều kiện vận chuyển.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Cấu hình tương thích khác nhau theo thiết bị. Kiểm tra riêng súng, điều khiển, cấp/thu hồi, loại bột sử dụng và khả năng cung cấp.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Súng sơn lỏng và thiết bị tĩnh điện

Các lựa chọn phun khí, airless, tĩnh điện và tán sương quay, thủ công/tự động. Xem xét theo loại sơn, hình dạng và điều kiện tự động hóa quy trình.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-074	Súng phun sơn khí nén cầm tay	Có cấp áp, hút và trọng lực. Đầu phun tùy quy cách.
5-075	Súng airless cao áp cầm tay	Phương thức airless áp suất cao cầm tay. Kiểm tra sơn, áp suất, đầu phun và cấu hình ống.
5-076	Dòng súng phun tự động	Đây là tên dòng. Kiểm tra cơ chế phun và cách lắp ở từng model con.
5-077	Súng phun airless tự động	Kiểm tra cấp sơn tuần hoàn/không tuần hoàn và điều kiện lắp vào thiết bị tự động.
5-078	Súng phun khí nén tự động, đầu tháo lắp được	Gắn máy tự động hoặc robot. Xác nhận cấu hình lắp.
5-079	Súng phun khí nén tự động áp suất thấp	Kiểm tra sơn gốc nước/dung môi và điều kiện lắp vào thiết bị tự động.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Kiểm tra từng loại về hệ nước/dung môi, tích điện, áp suất và cách lắp. Thiết bị trọn bộ và súng đơn lẻ cần cấu hình khác nhau.



05 Coat Systemizer

Súng sơn lỏng và thiết bị tĩnh điện

Các lựa chọn phun khí, airless, tĩnh điện và tán sương quay, thủ công/tự động. Xem xét theo loại sơn, hình dạng và điều kiện tự động hóa quy trình.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-080	Súng phun khí nén tĩnh điện cầm tay cho sơn dung môi	Tích hợp máy phát điện chạy bằng khí nén. Kiểm tra tương thích giữa sơn và quy cách súng.
5-081	Súng tĩnh điện cầm tay nạp điện trực tiếp, cho sơn gốc nước	Tích điện trực tiếp cho sơn gốc nước. Kiểm tra cấu hình cấp sơn và cách điện.
5-082	Súng tĩnh điện cầm tay nạp điện gián tiếp, cho sơn gốc nước	Tích điện gián tiếp cho sơn gốc nước. Kiểm tra hệ cấp sơn và điều kiện phun.
5-083	Súng phun khí nén tĩnh điện tự động	Dành cho thiết bị tự động. Kiểm tra sơn, lắp đặt và tương thích với hệ điều khiển, cấp sơn.
5-084	Thiết bị phun tĩnh điện dùng đầu chuông quay	Phun sơn bằng tán sương quay. Kiểm tra chi tiết, lắp đặt, cấu hình cấp sơn và điều khiển.
5-085	Thiết bị phun tĩnh điện dùng đầu chuông quay	Ứng viên cho phương thức tán sương quay. Kiểm tra cấu hình và điều kiện áp dụng của từng loại.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Kiểm tra từng loại về hệ nước/dung môi, tích điện, áp suất và cách lắp. Thiết bị trọn bộ và súng đơn lẻ cần cấu hình khác nhau.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Cấp, điều chỉnh và phối trộn sơn

Thiết bị hỗ trợ cấp, tuần hoàn, khuấy, điều áp, đổi màu, định lượng và phối trộn sơn. Xem xét cấu hình cần có theo đặc tính sơn, điều kiện quy trình.

Phần 1 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-086	Bơm cấp sơn màng kép dẫn động khí	Dùng cấp sơn cho súng. Kiểm tra phạm vi cần có của bơm đơn lẻ hoặc bộ cấp sơn.
5-087	Bơm cấp sơn dạng màng dẫn động khí	Kiểm tra riêng tỷ số áp và vật liệu tiếp xúc chất lỏng.
5-088	Bơm piston ngang chạy khí, cấp và tuần hoàn sơn	Phương thức piston nằm ngang. Kiểm tra lưu lượng, áp suất, điều kiện tuần hoàn và vật liệu tiếp xúc sơn.
5-089	Bơm màng cấp vật liệu	Dùng cho sơn, keo... Kiểm tra độ nhớt và tương thích vật liệu.
5-090	Bình cấp sơn áp lực	Chọn riêng dung tích, cơ cấu khuấy và quy cách áp suất.
5-091	Máy khuấy sơn cho thùng pail, phuy và vật chứa tương tự	Bao gồm loại dùng động cơ khí nén piston quay.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Chọn sau khi kiểm tra vật liệu tiếp xúc, độ nhớt, lưu lượng, áp suất, khả năng vệ sinh và tương thích với súng, bộ điều khiển.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Cấp, điều chỉnh và phối trộn sơn

Thiết bị hỗ trợ cấp, tuần hoàn, khuấy, điều áp, đổi màu, định lượng và phối trộn sơn. Xem xét cấu hình cần có theo đặc tính sơn, điều kiện quy trình.

Phần 2 / 2

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-092	Bộ điều chỉnh áp suất khí cho sơn	Chọn quy cách theo áp suất, lưu lượng khí, kết nối và thiết bị sử dụng.
5-093	Bộ điều chỉnh áp suất sơn	Dùng điều chỉnh áp suất sơn. Kiểm tra vật liệu tiếp xúc, áp suất cài đặt và thiết bị sử dụng.
5-094	Bộ điều áp ngược độ cắt thấp cho tuần hoàn sơn	Chọn theo áp suất ngược đường ống tuần hoàn, đặc tính sơn và vật liệu tiếp xúc.
5-095	Van đổi màu và hệ chuyển mạch sơn	Cấu hình theo số màu, đường ống và mạch rửa.
5-096	Hệ định lượng, pha trộn và điều khiển lưu lượng sơn bằng điện tử	Dùng bơm bánh răng. 1K/2K/3K phụ thuộc cấu hình.
5-097	Phụ tùng thay thế, bảo dưỡng cho súng và thiết bị cấp sơn	Kiểm tra nhãn mác, số chế tạo và bản vẽ phụ tùng của thiết bị hiện hữu để đối chiếu phụ tùng, khả năng cung cấp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Chọn sau khi kiểm tra vật liệu tiếp xúc, độ nhớt, lưu lượng, áp suất, khả năng vệ sinh và tương thích với súng, bộ điều khiển.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Súng phun và lựa chọn sơn tĩnh điện

Thiết bị cho sơn thông dụng, sửa chữa ô tô, sơn tự động, tĩnh điện sơn lỏng/bột. Chọn theo phương pháp làm việc và bề mặt hoàn thiện.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-098	Súng phun cầm tay cỡ nhỏ / lớn	Dùng sơn thông dụng. Chọn cỡ nhỏ/lớn và yêu cầu loại áp suất thấp.
5-099	Súng phun cốc giữa cỡ nhỏ / lớn	Cấp trọng lực. Kiểm tra cốc và đầu phun.
5-100	Súng phun cầm tay cỡ lớn, cấp áp	Kiểm tra đầu phun thẳng hoặc rãnh chữ V và lưu lượng sơn cần có.
5-101	Súng phun cầm tay thông dụng / áp suất thấp	Chọn theo phương thức thông dụng/áp suất thấp, chi tiết, đầu phun và lượng khí cần có.
5-102	Súng phun cầm tay sửa chữa ô tô	Kiểm tra cấu hình đầu phun, cốc phù hợp với sơn sửa chữa ô tô và ngoại quan yêu cầu.
5-103	Súng phun sơn gắn thiết bị tự động	Loại đơn giản, đa dụng, tính năng cao; chọn model theo ứng dụng.
5-104	Súng tĩnh điện sơn lỏng cầm tay, phát điện bằng khí	Không cần bộ điều khiển tĩnh điện ngoài.
5-105	Súng tĩnh điện cầm tay cho sơn lỏng	Phân biệt loại cho sơn dung môi thông dụng và sơn nước/điện trở thấp; kiểm tra điều kiện tích điện, cấp sơn.
5-106	Súng phun tĩnh điện tự động cho sơn lỏng	Chọn thiết bị theo cách lắp lên robot hoặc bộ chuyển động tịnh tiến qua lại.
5-107	Súng phun bột tĩnh điện cầm tay	Dùng sơn thủ công; khác nhóm súng sơn lỏng.
5-108	Súng phun bột tĩnh điện tự động	Dành cho máy và dây chuyền tự động.
5-109	Bộ thiết bị sơn bột tĩnh điện	Là cụm gồm điều khiển và cấp bột, không chỉ súng riêng.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Phân biệt thủ công/tự động, sơn lỏng/bột; kiểm tra đầu phun, cốc, thiết bị cấp, nguồn điện và điều khiển.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Thiết bị cấp sơn, phụ trợ, phụ tùng

Gồm bơm, bình chứa, máy khuấy, cụm sơn và phụ tùng. Khi thay mới/bảo dưỡng, kiểm tra tương thích từ thông tin thiết bị đang sử dụng.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-110	Bơm màng cấp sơn, dạng bơm riêng	Nhóm bơm đơn lẻ. Kiểm tra vật liệu tiếp xúc, lưu lượng, áp suất và điều kiện kết nối.
5-111	Cụm cấp sơn bằng bơm màng	Cụm kết hợp bơm và thiết bị cấp sơn. Kiểm tra phạm vi cấu hình.
5-112	Bơm dùng phốt dạng ống xếp (bellows seal)	Kiểm tra kiểu khí nén/điện, áp suất, lưu lượng và điều kiện tiếp xúc sơn.
5-113	Bơm plunger / cụm cấp sơn	Phân biệt bơm đơn lẻ và cụm cấp sơn; xác nhận cấu hình cần có.
5-114	Phụ tùng thay thế và bảo trì bơm màng	Kiểm tra model đầy đủ, số chế tạo và bản vẽ phụ tùng của bơm để tư vấn tương thích, khả năng cung cấp.
5-115	Cốc chứa sơn cấp trọng lực / kiểu hút	Đối chiếu súng, ren lắp và vật liệu.
5-116	Bình chịu áp dùng cấp sơn	Kiểm tra khả năng dùng sơn gốc nước, cơ cấu khuấy và dung tích.
5-117	Máy khuấy để trộn và hạn chế lắng	Có loại piston hướng kính... Chọn theo bình chứa và sơn.
5-118	Thiết bị sơn airless bằng áp lực sơn cao	Quản lý tổ hợp bơm, súng, ống mềm và đầu phun.
5-119	Thiết bị kết hợp phun khí và airless	Kết hợp phun khí và airless. Kiểm tra cấu hình thiết bị và tương thích với sơn.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Với phụ tùng, vui lòng cung cấp ảnh nhãn máy, số chế tạo và bản vẽ. Chúng tôi kiểm tra tương thích, khả năng cung cấp, phạm vi công việc để tư vấn.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Tự động hóa và tiện ích liên quan

Tư vấn robot sơn, dây chuyền kết hợp công đoạn, hút khí cục bộ, sấy, chân không và cấp nitơ. Xem xét cấu hình theo quy trình, năng lực cần có.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-120	Hệ thống robot sơn	Kết hợp các thiết bị cần thiết cho công đoạn sơn. Xác nhận chi tiết cần sơn và phạm vi chuyển động.
5-121	Dây chuyền sơn mô-đun	Xem xét mô-đun hóa các công đoạn và dùng robot chuyển tải giữa các công đoạn.
5-122	Thiết bị thu gom và hút khí tại nguồn phát sinh	Xem xét vị trí lắp và lưu lượng theo nguồn phát sinh và vị trí người vận hành.
5-123	Thiết bị làm khô / đóng rắn sau sơn	Xác nhận điều kiện đóng rắn của sơn, vật liệu chi tiết, năng suất và nguồn nhiệt.
5-124	Bơm chân không và thiết bị tạo chân không liên quan	Chọn theo độ chân không, tốc độ hút và môi chất cần hút.
5-125	Thiết bị tạo và cấp khí nitơ	Xác nhận độ tinh khiết, lưu lượng và áp suất cấp cần thiết.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Các nội dung thuộc phạm vi tư vấn lựa chọn/thiết kế. Xác nhận riêng quy cách, kết nối, công trình phụ trợ và khả năng cung cấp, đáp ứng.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Bộ lọc khí cấp và khí thải

Bộ lọc cho khử bụi môi trường sơn, thu sương sơn. Phân biệt mục đích cấp/thải khí, chọn theo kích thước lắp và điều kiện sơn, bụi.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-126	Bộ lọc khô dạng khối lập phương, thu giữ sương sơn	Dùng thu sương sơn trong khí thải. Kiểm tra kích thước lắp, lưu lượng khí và điều kiện thay thế.
5-127	Bộ lọc khí thải bằng giấy xử lý chống cháy đặc biệt	Dùng để thu giữ sương sơn.
5-128	Bộ lọc khí thải bằng sợi thực vật	Chọn chiều dày theo loại sơn sử dụng.
5-129	Bộ lọc khí thải kết hợp giấy gia công và vải không dệt	Xác nhận kích thước lắp và điều kiện thay thế.
5-130	Bộ lọc khí thải dạng tấm bằng bông thủy tinh	Dùng để thu giữ sương sơn.
5-131	Bộ lọc phụ trợ khí thải dạng cuộn, bằng vải không dệt	Lọc sơ bộ ở phía trước bộ lọc chính.
5-132	Bộ lọc khí thải dạng cuộn bằng bông thủy tinh	Quy cách dạng cuộn. Kiểm tra kích thước, cách lắp và điều kiện thay thế.
5-133	Bộ lọc sơ bộ cho khí cấp	Chủ yếu giữ lại bụi có kích thước lớn.
5-134	Bộ lọc bụi cho khí cấp	Kiểm tra hiệu suất lọc và cách lắp theo ứng dụng khử bụi khí cấp, cấp khí trần.
5-135	Bộ lọc khí cấp gồm 3 túi nối liền	Xác nhận khung lắp và chiều sâu phù hợp với kết cấu túi.
5-136	Bộ lọc dạng tấm bằng vải không dệt, dùng cho khí cấp hoặc khí thải	Ở đường khí thải: sau lọc sơ cấp. Ở đường khí cấp: tại cửa hút vào.
5-137	Bộ lọc gồm 2 túi nối liền, dùng cho khí cấp hoặc khí thải	Chọn theo mục đích; không mặc định có thể dùng chung trong mọi điều kiện.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Kiểm tra lưu lượng, tổn thất áp, đối tượng thu, cách lắp, tần suất thay. Không dùng chung lọc khí cấp và khí thải khi chưa xác nhận phù hợp.



05 Coat Systemizer

Nước tuần hoàn và quản lý quy trình

Tư vấn quản lý nước tuần hoàn buồng ướt, xử lý bùn sơn và thiết bị liên quan. Xem xét theo sơn, nước, phương thức thu hồi và quản lý vận hành.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-138	Chất keo tụ sơn dạng bột, tính kiềm	Dùng trong nước tuần hoàn buồng sơn; thu hồi bằng tuyển nổi.
5-139	Chất keo tụ sơn có tính kiềm trung bình	Dùng trong nước tuần hoàn buồng sơn; thu hồi bằng tuyển nổi.
5-140	Chất keo tụ sơn có tính axit	Xem xét theo phương thức tách thu hồi. Kiểm tra đối tượng sơn thông dụng/UV theo từng quy cách.
5-141	Chất keo tụ sơn trung tính	Dùng cho sơn thông thường và sơn UV; thu hồi bằng tuyển nổi / phân tách.
5-142	Chất phá bọt cho nước tuần hoàn của buồng sơn màng nước	Hóa chất hạn chế bọt trong nước tuần hoàn buồng sơn. Kiểm tra chất lượng nước và điều kiện châm.
5-143	Chất khử mùi / diệt khuẩn cho nước tuần hoàn buồng sơn màng nước	Có tính axit yếu. Xác nhận tính tương thích hóa chất và điều kiện châm.
5-144	Hệ xử lý bùn sơn bằng vi sinh vật và vật tư chuyên dụng	Nội dung tư vấn riêng. Kiểm tra loại sơn, quản lý vận hành, điều kiện xử lý và khả năng cung cấp.
5-145	Hệ thống quản lý thiết bị sơn bằng IoT	Nội dung tư vấn riêng. Kiểm tra kết nối, dữ liệu thu thập, thiết bị cần có và phạm vi cung cấp.
5-146	Thiết bị tiền xử lý, sơn điện di và sấy gia nhiệt	Tư vấn thiết kế riêng. Kiểm tra quy trình, quy cách, cấu hình thiết bị và khả năng đáp ứng.
5-147	Thiết bị vận chuyển, điều hòa khu vực sơn và xử lý nước thải	Tư vấn thiết kế riêng. Kiểm tra riêng điều kiện vận chuyển, điều hòa không khí và nước thải.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Hóa chất dùng cho nước tuần hoàn, khác với phụ gia cho trực tiếp vào sơn. Quy cách và khả năng đáp ứng của hệ xử lý, quản lý, thiết bị liên quan được xác nhận riêng.



Hình minh họa dịch vụ

05 Coat Systemizer

Buồng sơn ô tô và xe cỡ lớn

Các ứng viên theo kích thước đối tượng, môi trường làm việc, từ ô tô đến xe cỡ lớn. Xem xét độ phù hợp với nhà xưởng, cấp/hút khí, chiếu sáng và lối bảo dưỡng.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
5-148	Buồng sơn ô tô kiểu push-pull Cấu hình chú trọng tính kinh tế	Cấu hình chú trọng tính kinh tế. Kiểm tra bố trí và có/không có chức năng sấy theo từng quy cách.
5-149	Buồng sơn ô tô kích thước tiêu chuẩn	Cấu hình kích thước tiêu chuẩn. Kiểm tra nhà xưởng, cấp/hút khí, hố và có/không có chức năng sấy.
5-150	Buồng sơn ô tô loại rộng	Cấu hình tạo không gian làm việc rộng hơn. Kiểm tra kích thước xưởng, xe và có/không có chức năng sấy.
5-151	Buồng sơn chú trọng độ sáng và không gian thao tác	Kiểm tra cửa sổ, chiếu sáng, hút khí, không gian làm việc trên bản vẽ. Chức năng sấy tùy quy cách.
5-152	Buồng sơn-sấy cho xe tải, xe buýt và xe cỡ lớn	Xem xét sơn/sấy, cấp/hút khí và nhà xưởng theo kích thước xe tải, xe buýt.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Buồng sơn và buồng sơn-sấy khác nhau về chức năng, cấu hình. Kiểm tra chức năng sấy, nguồn nhiệt, điện và kích thước hiện trường theo từng quy cách.



06 Coat Visioner

Trực quan hóa và khai thác dữ liệu

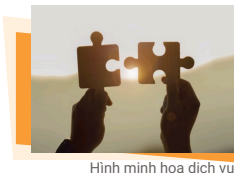
Tư vấn đo, ghi trạng thái thiết bị hiện hữu, điều kiện quy trình và sử dụng dữ liệu để cải thiện. Xem xét cấu hình từ điểm đo và mục tiêu cải tiến.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
6-001	Hệ thu thập và trực quan hóa dữ liệu thiết bị	Có thể xem xét lắp bổ sung cho thiết bị hiện hữu. Xác nhận điều kiện kết nối.
6-002	Thiết bị thu tín hiệu analog/digital	Kiểm tra loại tín hiệu analog/digital, số điểm vào, dây dẫn và nguồn điện.
6-003	Thiết bị đọc trạng thái bằng xử lý ảnh	Thu nhận bằng xử lý ảnh. Kiểm tra nhu cầu cấu hình riêng/tùy chọn và phạm vi cung cấp.
6-004	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, lưu lượng, rung, mực nước, pH...	Xác nhận dải đo, khả năng chịu môi trường, phương pháp hiệu chuẩn và thay thế.
6-005	Camera đọc đồng hồ và đèn báo	Đánh giá ánh sáng, phản xạ, trường nhìn và độ chính xác đọc trong môi trường thực tế.
6-006	Lịch sử, hiển thị biểu đồ và xuất CSV	Xác nhận thời gian lưu trữ, quyền dữ liệu và định dạng xuất.
6-007	Cài ngưỡng và cảnh báo qua email	Cài điều kiện và người nhận thông báo. Thông báo giám sát không thay thế điều khiển an toàn thiết bị.
6-008	Công nghệ giám sát, phân tích trạng thái dung dịch tiền xử lý	Xem xét riêng đối tượng đo và cách quản lý, bao gồm lấy mẫu, phân tích và hiệu chuẩn.
6-009	Hỗ trợ điều kiện phối trộn và điều chỉnh độ nhớt dựa trên môi trường sơn, dữ liệu tích lũy	Tư vấn hỗ trợ phối trộn/điều chỉnh độ nhớt. Kiểm tra riêng dữ liệu sử dụng và phạm vi đáp ứng.
6-010	Hệ thống quản lý nghiệp vụ như đơn hàng, mua hàng và tồn kho	Tư vấn riêng về quản lý nghiệp vụ. Kiểm tra kết nối với giám sát thiết bị và phạm vi cung cấp.
6-011	Chức năng AI Đọc hiển thị, lượng nhỏ giọt, đếm sản lượng và hỗ trợ sơn robot	Tư vấn chức năng liên quan AI. Kiểm tra điều kiện dữ liệu, phương pháp thực hiện, độ chính xác và phạm vi cung cấp.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Giám sát, phân tích, hỗ trợ phối trộn, quản lý nghiệp vụ, AI cần kiểm tra riêng phạm vi và cấu hình. Không cung cấp mặc định tất cả như chức năng tiêu chuẩn đi kèm.

07 Coat Linker



Hình minh họa dịch vụ

Kết nối ngành sơn Nhật Bản, Việt Nam

Chia sẻ điều kiện, thông tin kỹ thuật giữa doanh nghiệp xem xét thuê ngoài/hợp tác sơn. Có thể trao đổi từ kết nối ứng viên đến chuẩn bị thử nghiệm, đánh giá theo dự án.

Mã	Sản phẩm / Giải pháp / Công dụng	Điều kiện cần xác nhận khi lựa chọn, triển khai
7-001	Làm rõ yêu cầu của dự án sơn Chia sẻ điều kiện để lựa chọn đơn vị gia công / hợp tác	Xác nhận vật liệu, bản vẽ chi tiết, chất lượng yêu cầu, sản lượng và thời điểm mong muốn.
7-002	Kết nối doanh nghiệp sơn Xem xét và giới thiệu ứng viên phù hợp với điều kiện	Đối chiếu công đoạn, thiết bị, quản lý chất lượng, địa điểm và điều kiện nhận việc.
7-003	Chia sẻ điều kiện kỹ thuật Thống nhất cách hiểu giữa bên đặt hàng và đơn vị sơn	Tổng hợp quy cách, mẫu chuẩn, phương pháp đánh giá và điều kiện kiểm tra.
7-004	Kết nối thử mẫu và đánh giá Sắp xếp các bước xác nhận phục vụ quyết định sản xuất hàng loạt	Thỏa thuận mẫu, phạm vi thử nghiệm, bên phụ trách và phân bổ chi phí.
7-005	Phối hợp các dịch vụ cốt lõi khác Kết nối tư vấn về sơn, dung môi, thiết bị và trực quan hóa	Kết hợp hỗ trợ cần thiết theo từng dự án.
7-006	Làm rõ điều kiện hợp tác Xác nhận phạm vi trách nhiệm cho giao dịch lâu dài	Trao đổi riêng về hợp đồng, trách nhiệm chất lượng, thời hạn, logistics và bảo mật.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Khả năng tiếp nhận của doanh nghiệp ứng viên, hợp đồng, trách nhiệm chất lượng, tiến độ, logistics và bảo mật được thảo luận riêng.

SOLUTION GUIDE / TƯ VẤN THEO VẤN ĐỀ

Kết hợp giải pháp theo vấn đề

Kết hợp sơn, dung môi, thiết bị và trực quan hóa để xem xét cải tiến từ công đoạn có vấn đề. Vui lòng cho nhân viên phụ trách biết mã chủ đề cần tư vấn.

Phần 1 / 2

Mã	Chủ đề tư vấn	Sản phẩm, dịch vụ liên quan và điểm cần xác nhận
A-001	Ăn mòn / Sửa chữa lớp mạ	Sơn chống ăn mòn, sơn giàu kẽm, tiền xử lý, thiết bị sơn. Bắt đầu từ vật liệu, màng sơn cũ, môi trường ăn mòn, tuổi thọ mong muốn.
A-002	Ngoại quan màng sơn / Tỷ lệ lỗi	Sơn, dung môi, súng, lọc khí cấp. Kiểm tra mẫu lỗi, công đoạn phát sinh, nhiệt độ/độ ẩm, độ nhớt và chiều dày màng.
A-003	Ổn định sấy / Đóng rắn	Sơn sấy, lò sấy, đo nhiệt độ, trực quan hóa quy trình. Nắm nhiệt độ chi tiết và thời gian, không chỉ nhiệt độ cài đặt.
A-004	Đổi màu / Thu hồi sơn bột	Sơn bột, súng, buồng, hệ cấp/thu hồi. Kiểm tra số màu, cỡ lỗ, cách dùng bột thu hồi và thời gian vệ sinh.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Bảng là ví dụ kết hợp tư vấn. Quy cách, phạm vi đáp ứng và hiệu quả kỳ vọng được xem xét sau khi xác nhận điều kiện của Quý khách.

SOLUTION GUIDE / TƯ VẤN THEO VẤN ĐỀ

Kết hợp giải pháp theo vấn đề

Kết hợp sơn, dung môi, thiết bị và trực quan hóa để xem xét cải tiến từ công đoạn có vấn đề. Vui lòng cho nhân viên phụ trách biết mã chủ đề cần tư vấn.

Phần 2 / 2

Mã	Chủ đề tư vấn	Sản phẩm, dịch vụ liên quan và điểm cần xác nhận
A-005	Cách điện linh kiện EV	Sơn cách điện, thiết bị sơn, công đoạn đánh giá. Kiểm tra điện áp, chiều dày màng, hình dạng, tản nhiệt, bám dính và độ bền.
A-006	Chuyển sang quy trình không dùng phốt pho	Hóa chất, thiết bị tiền xử lý, quản lý bể. Đánh giá theo vật liệu và toàn quy trình, không chỉ thay một hóa chất.
A-007	Giảm thao tác thủ công / Tăng năng suất	Súng tự động, robot, vận chuyển, cấp sơn. Nắm nhịp sản xuất, chuẩn bị/chuyển đổi, tiêu chí chất lượng và hạn chế khi triển khai.
A-008	Quản lý buồng sơn / Công vệ sinh	Bộ lọc, hóa chất nước tuần hoàn, xử lý bùn sơn. Kiểm tra loại sơn, lưu lượng khí, chênh áp, nước và tần suất bảo dưỡng.
A-009	Trực quan hóa trạng thái thiết bị	Hệ giám sát, cảm biến, khai thác dữ liệu. Xác định chỉ số cải thiện trước, sau đó chọn điểm đo cần có.

KHI TRAO ĐỔI TƯ VẤN

Bảng là ví dụ kết hợp tư vấn. Quy cách, phạm vi đáp ứng và hiệu quả kỳ vọng được xem xét sau khi xác nhận điều kiện của Quý khách.

CUSTOMER SUPPORT / TƯ VẤN

Từ tư vấn đến triển khai

Ngay cả khi chưa xác định quy cách, chúng tôi có thể bắt đầu từ vấn đề và điều kiện hiện tại. Vui lòng chia sẻ mã tham chiếu và những thông tin Quý khách đang có.

Chia sẻ vấn đề và mục tiêu

Vui lòng cho biết hiện tượng đang gặp, chất lượng/công việc/chi phí muốn cải thiện và thời gian mong muốn.

Xác nhận vật liệu, sản phẩm, hiện trường

Kiểm tra vật liệu, bản vẽ/mẫu, sơn hiện tại, quy trình, kích thước thiết bị và sản lượng.

Đề xuất ứng viên và phạm vi đáp ứng

Từ mã tham chiếu, chúng tôi tư vấn ứng viên về sản phẩm, thiết bị, hỗ trợ và khả năng cung cấp, đáp ứng.

Trao đổi quy cách, thử nghiệm, đánh giá

Khi cần, kiểm tra mẫu hoặc chi tiết thực tế. Trao đổi trước điều kiện đánh giá, phân công trách nhiệm và chi phí.

Xác nhận báo giá và điều kiện triển khai

Kiểm tra số lượng, bao bì, thời gian giao, lắp đặt/thi công, bảo hành, bảo dưỡng và logistics.

Chuyển sang triển khai và vận hành

Tiến hành theo phạm vi đã thống nhất, kiểm tra điều kiện sử dụng và hỗ trợ cần có.

Liên hệ CoatureVietnam

Vui lòng thông báo cho nhân viên CoatureVietnam đã gửi tài liệu: mã quan tâm, vật liệu/sản phẩm, quy trình hiện tại và thời gian mong muốn. Nếu có bản vẽ, ảnh hoặc mẫu, chúng tôi sẽ hướng dẫn cách chia sẻ phù hợp với nội dung tư vấn.

DOCUMENT INFORMATION / PHIÊN BẢN

Thông tin tài liệu và lịch sử cập nhật

Nội dung được cập nhật theo sản phẩm, công nghệ và tình hình cung cấp. Khi liên hệ, vui lòng cho biết phiên bản và mã tham chiếu.

Mục	Nội dung
Tên tài liệu	CoatureVietnam - Danh mục sản phẩm và giải pháp
Mã tài liệu	CTV-CAT-EXT-VN
Ngôn ngữ	Tiếng Việt
Ngày phát hành	17/09/2026
Phiên bản	EXT-VN 1.4
Phát hành / Tư vấn	CoatureVietnam

Lịch sử cập nhật

Ngày / Phiên bản	Nội dung cập nhật chính
17/09/2026 EXT-VN 1.4	Thống nhất tên Coat Systemizer, Coat Visioner. Dùng ảnh địa cầu cho Thinner Streamer và ghép hình cho Coat Linker.
17/09/2026 EXT-VN 1.3	Thiết kế theo Service Brochure: mảng cam xếp chéo, bố cục ảnh và bảng dễ đọc; giữ nội dung, mã và thứ tự.
17/09/2026 EXT-VN 1.2	Bỏ đường cam ở mép trên; thay ảnh bồn sơn bằng bốn lon sơn Coature từ website chính thức.
17/09/2026 EXT-VN 1.1	Cập nhật nhận diện và hình minh họa theo website CoatureVietnam; giữ nội dung, mã và thứ tự.
17/09/2026 EXT-VN 1.0	Bản tiếng Việt đầu tiên, tương ứng EXT-JP 1.0: sản phẩm, thiết bị và 7 dịch vụ cốt lõi.

Tra cứu phiên bản mới nhất

Vui lòng liên hệ nhân viên CoatureVietnam để nhận bản mới nhất. Mã tham chiếu được quản lý để đối chiếu liên tục; mã đã xóa không được dùng lại cho mục khác.

Khi bổ sung hoặc thay đổi thông tin, phiên bản và ngày phát hành sẽ được cập nhật. Nội dung đề xuất hoặc hợp đồng riêng được xác nhận qua báo giá, bản quy cách và các tài liệu liên quan.